

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty CP 28 Đà Nẵng
Năm báo cáo: năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN 28 ĐÀ NẴNG
- Tên giao dịch tiếng Anh: 28 DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400709400 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01/01/2009 và thay đổi lần thứ 5 ngày 18/01/2018.
- Vốn điều lệ: 15.443.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.443.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0236 3618383
- Số fax: 0236 3615036
- Website: www.agtexdanang.com.vn.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 593/2000/QĐ-BQP ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Bộ Quốc phòng. Tiền thân là cơ sở 2 của Xí nghiệp 27/7, được thành lập ngày 5/3/1996, đóng tại 67 Duy Tân, Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Sau khi bàn giao về Công ty 28, ngày 3 tháng 7 năm 1999, Giám đốc Công ty 28 ra Quyết định số 837/KHTH kiện toàn thành cơ quan đại diện là Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng trên cơ sở toàn bộ quân số, trang thiết bị, nhà xưởng của cơ sở 2 Xí nghiệp 27/7. Cơ quan đại diện có nhiệm vụ đại diện cho Công ty tại khu vực Miền Trung, tổ chức quảng bá giới thiệu sản phẩm của Công ty theo yêu cầu kế hoạch và tham gia sản xuất hàng xuất khẩu.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Quân đội về sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp quân đội để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới và thực hiện mục tiêu CNH-HĐH đất nước. Ngày 01/01/2009 Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng được cổ phần hóa và đổi



tên thành Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng theo quyết định số 819/QĐ-BQP ngày 8/4/2008 và quyết định số 1653/QĐ-BQP ngày 12/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may với vốn tổng vốn điều lệ: 15.443.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước chiếm 84,75%.

Đến nay, Công ty CP 28 Đà Nẵng có tổng quân số 784 người với 2 Phân xưởng may, 1 phân xưởng cắt và 4 phòng nghiệp vụ. Là đơn vị trước đây sản xuất hàng Quốc phòng thì đến nay đã chuyển sang sản xuất hàng xuất khẩu là chủ yếu với thị trường chính là EU và Mỹ.

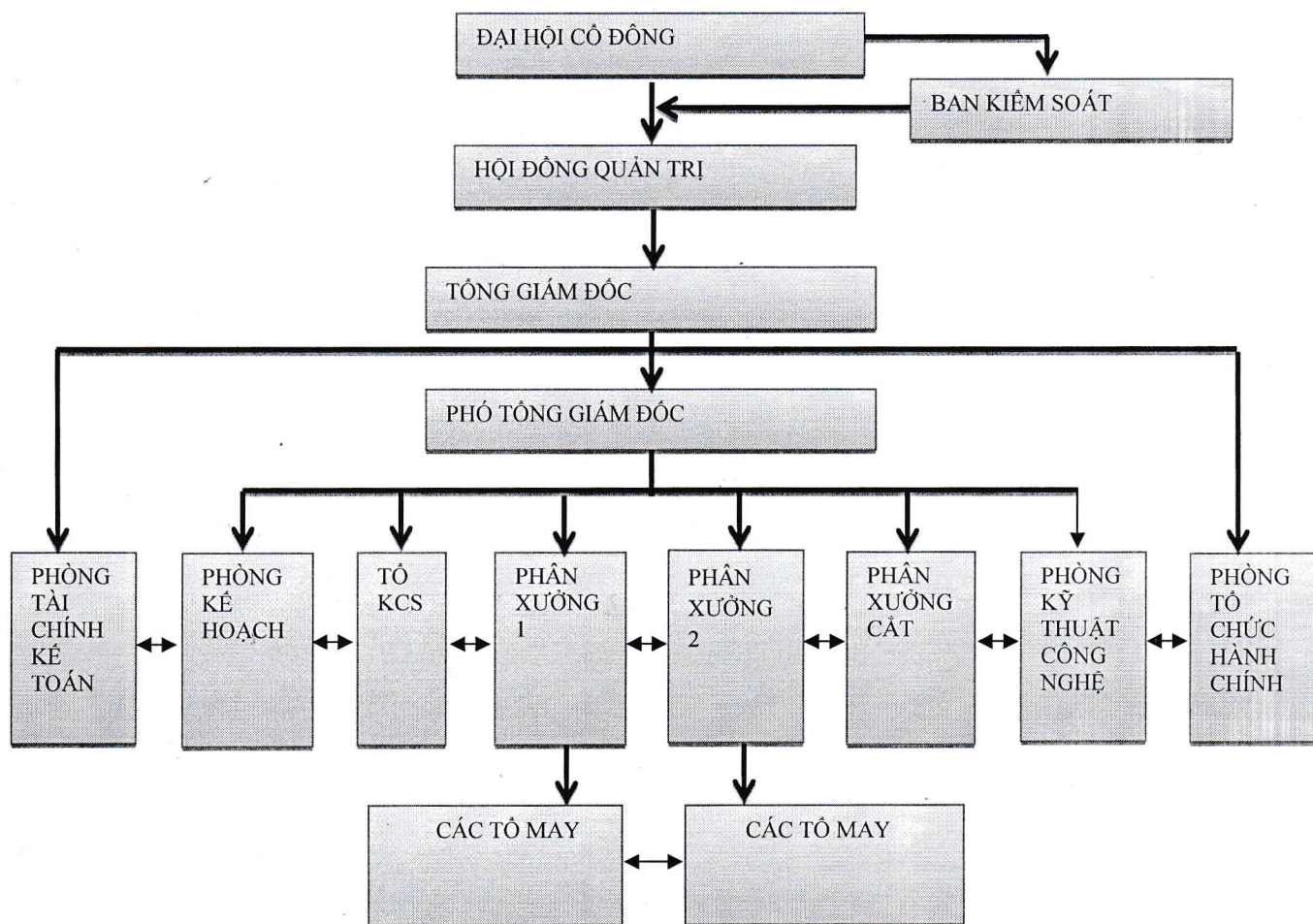
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may, kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may. Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho, xưởng, bãi đậu xe.

- Địa bàn kinh doanh: thị trường chính là EU và Mỹ, trong đó EU chiếm 70%, nội địa và các thị trường khác chiếm 30%.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Sơ đồ tổ chức:



3.2 Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban, cơ quan công ty

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty được Luật pháp quy định và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có nhiệm vụ nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ, kiểm tra giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty, việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Phó Tổng Giám đốc: Giúp Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Các Phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng kế hoạch, Phòng Kỹ thuật công nghệ, Phòng Tài chính – Kế toán, Phân xưởng cắt, Phân xưởng may 1, 2.

3.3 Nguyên tắc hoạt động

- Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng làm việc theo chế độ một người chỉ huy, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của Quân đội, điều lệ Công ty, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008, SA8000:2014, WRAP, CTPACT và quy chế quản lý của Công ty.

- Thực hiện việc phân công và uỷ quyền rõ ràng giữa các thành viên Ban Tổng Giám đốc theo nguyên tắc một người có thể làm nhiều việc nhưng mỗi việc chỉ có 1 người phụ trách và chịu trách nhiệm chính.

- Các Phòng trong Công ty là các đơn vị tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành Công ty theo các chuyên môn được giao.

- Các Phân xưởng trong Công ty là các đơn vị trực tiếp tổ chức cho người lao động sản xuất theo các kế hoạch đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

- Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban và các Phân xưởng giải quyết công việc phải đảm bảo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả và đảm bảo sự phối hợp, trao đổi thông tin kịp thời trong quá trình giải quyết công việc.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Công ty CP 28 Đà Nẵng luôn theo đuổi mục tiêu chuyên môn hóa sản xuất, tìm kiếm các khách hàng, nhãn hàng nổi tiếng trên thế giới để sản xuất.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Duy trì vị trí dẫn đầu và thế mạnh cạnh tranh bằng những sản phẩm, dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao; xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín, chuyên nghiệp với khách hàng, đối tác.

- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Chất lượng sản phẩm và dịch vụ quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp; Gia tăng giá trị cho xã hội, khách hàng, người lao động và cổ đông là mục tiêu và động lực của sự phát triển bền vững; Lao động sáng tạo là nền tảng của sự phát triển; Quan hệ hợp tác, chia sẻ, cam kết và thực hiện cam kết là nền tảng văn hóa doanh nghiệp.

5. Các rủi ro:

- Ngành dệt may chuyên biến theo chiều hướng khó khăn do khách hàng chuyển dịch nguồn hàng sang một số nước có ưu thế hơn về thuế quan. Điều này đã tác động đến nguồn hàng, giá cả và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp, nhất là khu vực Miền Trung.

- Nguồn lao động mới tuyển dụng tay nghề chưa đáp ứng so với yêu cầu sản phẩm chất lượng cao đã ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm và chi phí (bù lương hàng tháng).

- Xu thế hàng thời trang, số lượng nhỏ lẻ, chất liệu khó may, thêu, in, wash nhiều đã tác động đến công tác tổ chức sản xuất và năng suất lao động.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình tài chính

(ĐVT: Triệu đồng)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2016	Cùng kỳ năm 2017	Thực hiện năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Cùng kỳ năm 2016	Cùng kỳ năm 2017	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	2.568.566	3.144.737	3.023.750	2.457.486	95,7	78,1	81,3
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	2.330.164	2.866.421	3.023.750	2.866.421	123,0	100,0	94,8
3. Tồn kho cuối kỳ	57.005	79.051	80.104	109.998	193,0	139,1	137,3
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285.967	303.477	200.000	189.613	66,3	62,5	94,8
2. Giá vốn hàng bán	268.399	286.179	177.364	169.819	63,3	59,3	95,7
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.568	17.298	22.636	19.794	112,7	114,4	87,4
4. Doanh thu hoạt động tài chính	832	744	-	721	86,7	96,9	
5. Chi phí tài chính	2.384	1.738	1.200	2.312	97,0	133,0	192,7
6. Chi phí bán hàng	3.149	2.682	2.279	2.575	81,8	96,0	113,0
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.412	15.711	17.457	14.418	107,5	91,8	82,6
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(545)	(2.089)	1.699	1.210	(222,0)	(57,9)	71,2
9. Thu nhập khác	128	374	300	1.583	1.229,3	420,7	524,5
10. Chi phí khác	12	366	-	772	6.433,3	210,9	
11. Lợi nhuận khác	116	8	300	801	690,9	10.018,6	267,2
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(429)	(2.081)	2.000	2.011	(468,9)	(96,7)	100,6
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.329	279	400	546	41,1	195,6	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	(1.758)	(2.360)	1.600	1.466	(83,4)	(62,1)	91,6

Năm 2018, nguồn hàng sản xuất xuất khẩu quần áo bảo hộ lao động của khách hàng Snickers và hàng đồng phục y tế khách hàng Imar giảm, Công ty thực hiện chuyển đổi từ hình thức sản xuất xuất khẩu sang hình thức gia công xuất khẩu đối với hàng đồng phục y tế. Thay vào đó, Công ty đã tìm kiếm thêm nguồn hàng kinh tế nội địa của khách hàng Kowil, hàng gia công áo sơ mi của khách hàng Primark để bù đắp nguồn hàng sản xuất và đảm bảo thu nhập, việc làm cho người lao động; bố trí lại sản xuất phù hợp với năng lực hiện có và cả khi có sự thay đổi mặt hàng, nguồn hàng chuyển từ FOB sang CM.

Tích cực triển khai sản xuất tinh gọn ở tất cả các bộ phận, các công đoạn trong quá trình sản xuất, triển khai lean văn phòng để nâng cao chất lượng quản lý, điều hành sản xuất. Đã kiện toàn lại đội ngũ Lean nghiên cứu, rãi chuyên theo hướng chuyên môn hoá mặt hàng, thời gian rãi chuyên ngắn, chuyển đổi sản xuất nhanh. Duy trì cân bằng chuyên, đo năng lực, cải tiến, loại bỏ thao tác thừa trên chuyên. Đã đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt đầu năm.

Tích cực triển khai kế hoạch tuyển dụng công nhân mới, tuyển dụng thường xuyên để bổ sung nguồn lao động cho các chuyên sản xuất. Xây dựng phương án lương, thưởng năm 2018 đảm bảo khuyến khích người lao động. Thực hiện các chính sách hỗ trợ nhằm tăng thu nhập cho người lao động như thưởng chuyên cần, thưởng thâm niên, hỗ trợ xăng xe và chăm sóc con nhỏ,.. Thực hiện công tác quản lý nhân sự ngày giờ công, tiền lương, sản phẩm có sự giám sát của đại diện người lao động. Triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất ở các đơn vị, bộ phận. Đã khắc phục tình hình âm vốn chủ sở hữu do thiệt hại tài chính từ các năm trước.

Năm 2018, Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nguồn hàng có lúc không đủ cho sản xuất, phải nhận hàng gia công, giá cả đầu vào tăng, áp lực tăng tiền lương để giữ chân người lao động, ảnh hưởng đến kết quả SXKD.

Năm 2018 là năm bản lề, Công ty vừa phải khắc phục khó khăn về tài chính của các năm trước, vừa phải ổn định sản xuất, ổn định khách hàng, chấn chỉnh công tác quản lý vừa phải tiếp các đoàn của UBKT Đảng, Hải quan, Thuế đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm tư CB-CNV, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của đơn vị.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Chức vụ	Cổ phần sở hữu/dại diện			
					Cá nhân	Dại diện	Cộng	% vốn ĐL
1	Bùi Văn Bắc	1969	1P2 Ngõ 83, Nguyễn An Ninh, Phường Trương Mai, Thành phố Hà Nội	CTHĐQT		720.640	720.640	46,7
2	Nguyễn Quyết Thăng	1969	40/18 Lê Đức Thọ, P7, Quận Gò Vấp, TPHCM	Phó CTHĐQT Kiêm TGD		392.840	392.840	25,4
3	Hồ Thanh Thủy	1983	147 Huỳnh Thúc Kháng – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng	Ủy Viên	200	197.420	197.620	12,8

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 784 người. Năm 2018 nguồn lao động của Công ty bị biến động mạnh trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên, Công ty đã kịp thời giữ chân người lao động và tuyển dụng bổ sung, áp dụng nhiều chính sách đối với người lao động như tăng thưởng chuyên cần ABC, áp dụng chính sách thưởng thâm niên, hỗ trợ tiền xăng xe, nuôi con nhỏ,... góp phần ổn định đội ngũ lao động trong năm 2018.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

(ĐVT:Đồng)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NGUYÊN GIÁ
	Máy móc thiết bị, dụng cụ		3.088.000.000
1	Máy thừa khuy vuông điện tử Juki LBH 1790AS/AC3/MC602-2L0JE00003-TMBJE01122	1	157.000.000
2	Máy thừa khuy vuông điện tử Juki LBH1790AS/AC3/MC602-2L0JE00596-TMBJE01150	1	157.000.000
3	Máy thừa khuy vuông điện tử Juki LBH1790AS/AC3/MC602-2L0JE00620-TMBJE01169	1	157.000.000
4	Máy thừa khuy vuông điện tử Juki LBH1790AS/AC3/MC602-2L0JE0011-TMBJE01137	1	157.000.000
5	Máy đính bọ ĐT Juki LK1900/BSS/MC672KSS-2L1KG01925-TMBKF01301	1	80.000.000
6	Máy đính bọ ĐT Juki LK1900/BSS/MC672KSS-2L1KG01976-TMBKF01320	1	80.000.000
7	Máy lập trình khổ trung 30x60mm Juki AMS-210NE-HS1306/MC587K/,-2A3KE00293-T	1	184.000.000
8	Máy lập trình khổ trung 30x60mm Juki AMS-210NE-HS1306/MC587K/,-2A3KE00293-T	1	184.000.000
9	Máy ép keo khổ 900 mm Hashima-HP-900LFS/P-012917V	1	237.000.000
10	Máy 1 kim điện tử Juki	100	1.695.000.000

Công ty có đầu tư bổ sung thiết bị chuyên dùng để thay thế một số MMTB chuyên dùng cũ hết khấu hao, hư hỏng không sửa chữa được, với tổng giá trị đầu tư là 3,088 tỷ đồng bằng nguồn vốn vay lãi suất 0%/năm của Tổng Công ty 28 và nguồn vốn tự có. Việc đầu tư thực hiện đúng phê duyệt của chủ tịch HĐQT và đúng quy định của Tổng Công ty, quy định của Pháp luật. Sau đầu tư MMTB đã được đưa vào vận hành đúng quy trình, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	So với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	83.237.543.990	77.439.899.278	93%
Doanh thu thuần	303.477.060.119	189.612.863.906	62,48%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(2.088.715.822)	1.209.977.955	
Lợi nhuận khác	8.073.316	801.491.582	9927,7%

Lợi nhuận trước thuế	(2.080.642.506)	2.011.469.537	
Lợi nhuận sau thuế	(2.360.061.373)	1.465.734.031	

Cơ cấu tài sản: Tổng tài sản bằng 93% so với thực hiện cùng kỳ năm 2017, trong đó nợ ngắn hạn là 57.808.681.873 đồng, chiếm 74,65%.

Doanh thu thuần năm 2018 giảm 62,48% so với cùng kỳ. Trong năm 2018, Công ty thực hiện chuyển đổi từ hình thức sản xuất xuất khẩu sang hình thức gia công xuất khẩu đối với hàng đồng phục y tế Imar, nên doanh thu năm 2018 giảm. Sau khi khắc phục thiệt hại tài chính từ năm 2012 đến 2016 thì năm 2018 Công ty có lợi nhuận và đạt hơn 2 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 1,209 tỷ đồng và lợi nhuận từ hoạt động khác là 801 triệu đồng. Nguyên nhân, trong năm Công ty thực hiện thanh lý một số máy móc thiết bị cũ đã hết khấu hao với giá trị thuần thu được là 340 triệu đồng và khoản thu nhập khác từ việc hoàn nhập công nợ không xác định phải trả là 1,092 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn của Công ty bao gồm nợ phải trả là 62,47 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu là 14,97 tỷ đồng. Nợ phải trả chủ yếu là nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội và chiếm dụng của khách hàng.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,72	0,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,38	0,41	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,98	0,81	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	49,74	4,17	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,12	6	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,44	2,42	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	(0,008)	0,008	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		8,83	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(2,05)	1,8	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần 1.544.300 cổ phần phổ thông, trong đó số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là: 1.300 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Đơn vị tính giá trị: 1000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ - phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	1.308.800	13.088.000	84,75				1.308.800	13.088.000	84,75
2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	3.500	35.000	0,23				1.300	13.000	0,084
3. Cổ đông trong công ty: Cổ phiếu quỹ	65.645	656.450	4,25				67.045	670.450	4,34
Cán bộ công nhân viên	65.645	656.450	4,25				67.045	670.450	4,34
4. Cổ đông ngoài công ty: Cá nhân	166.355	1.663.550	10,77				167.155	1.671.550	10,83
Tổ chức	56.155	561.550	3,63				56.955	569.550	3,69
	110.200	1.102.000	7,14				110.200	1.102.000	7,14

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập									
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1.419.000	14.190.000	91,89				1.419.000	14.190.000	91,87

Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	125.300	1.253.000	8,11				125.300	1.253.000	8,11
--	---------	-----------	------	--	--	--	---------	-----------	------

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Số TT	Nguyên nhiên liệu sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vải các loại	Mét	998.718,81
2	Chỉ may	Cuộn	114.124,52
3	Nhãn	Cái	6.524.710,5
4	Nút các loại	Cái	2.520.218
5	Thẻ bài, sổ giấy	Cái	1.195.808
6	Thun	Mét	409.013,74
7	Móc treo + kẹp size	Cái	
8	Băng nhám	Mét	125.351,29
9	Dây lung, dây luông, dây viền	Mét	829.960,5
10	Dây kéo các loại	Cái	715.338
11	Đạn nhựa	Cái	364.353
12	Buckle nịt	Cái	66.258
13	Củi	Khối	3.316,2
14	Dầu máy	Lít	418
15	Cồn CN	Lít	428
16	Thùng carton	Cái	50.084
17	Băng keo, bao bì đóng gói các loại	Cái	1.457.995

6.2. *Tiêu thụ nước*: Nguồn nước được mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Đà Nẵng. Lượng nước tiêu thụ năm 2018 là 12.064 m³, chủ yếu sử dụng cho mục đích sinh hoạt, lò hơi.

6.3. *Tiêu thụ điện*: Nguồn điện sử dụng là mạng lưới điện Quốc gia do Công ty Điện lực Đà Nẵng cung cấp. Lượng điện tiêu thụ năm 2018 là 551.160 Kwh

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*: Công tác bảo vệ môi trường luôn được quan tâm và thực hiện tốt từ việc quản lý các nguồn thải trong Công ty đến công tác quản lý chất thải công nghiệp và xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Quân số đến ngày 31/12/2018. Tổng số: 784 công nhân viên. Trong đó:

- Ban Tổng giám đốc	: 2 người
- Trưởng phòng	: 4 người
- Quản đốc	: 2 người
- Phó phòng	: 4 người
- Phó Quản đốc	: 4 người
- Trợ lý	: 2 người
- Tổ trưởng	: 16 người
- KCS	: 34 người
- Nhân viên VP	: 58 người
- Giám tiếp SX (TK+ Lean)	: 18 người
- Công nhân	: 640 người

Hội đồng quản trị: 3 người

Ban kiểm soát: 3 người

- Tiền lương:

+ Tổng Thu nhập	: 70.722.739.584 đ
Trong đó từ quỹ tiền lương	: 68.013.947.735 đ
+ Thu nhập bình quân	: 7.517.298 đ/người/tháng
Từ quỹ lương	: 6.756.301 đ/người/tháng
Từ thu nhập khác	: 760.997 đ/người/tháng

Trong năm qua, Công ty đã duy trì và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động, như: Thưởng chuyên cần, thưởng thâm niên, thưởng vượt năng suất chất lượng, hỗ trợ tiền xăng xe, chăm sóc con nhỏ, hỗ trợ lương đối với chuyên sản xuất hàng khó, đối với công nhân mới và công nhân, người lao động chưa đạt mức lương tối thiểu theo quy định. Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm công tác thi nâng bậc, xét nâng lương, lương bậc, chuyển ngạch, chuyển nhóm theo đúng các quy định của Nhà nước. Bảo đảm thường xuyên việc làm cho người lao động, không để phát sinh trả lương chờ việc. Việc phân phối và chi trả lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động được kịp thời và đúng thời gian quy định.

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2018 đạt 7.517.298 đồng/người/ tháng đạt 101% so với kế hoạch, đạt 125% so với cùng kỳ năm 2017. Thực hiện đúng quy định về công tác đảm bảo an toàn lao động, cấp phát đầy đủ, kịp thời trang thiết bị bảo hộ lao động cho từng người lao động. Trong năm, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động và tranh chấp về lao động. Chính sách tiền lương cho người quản lý điều hành Công ty được thực hiện theo phương án lương chung toàn Công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty luôn quan tâm đến chính sách cho người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được nâng lương, nâng bậc đúng niên hạn, các chính sách khen thưởng, phúc lợi được kịp thời, chính sách thăm hỏi gia đình hậu

phương CBCNV được kịp thời trong những dịp Tết, ma chay, cưới hỏi,... 100% người lao động được trả tiền lương, tiền công phù hợp với công việc và các chế độ khác theo quy định. Cụ thể:

- Công ty thực hiện chính sách tiền lương theo thang bảng lương do Nhà nước quy định.

- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng hằng năm của Công ty theo đơn giá, mức độ hoàn thành công việc.

- Công ty chấp hành nghiêm các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đúng theo Luật lao động và Luật BHXH. Đảm bảo 100% lao động ký hợp đồng lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ đầy đủ.

- Căn cứ các quy định về pháp luật lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và tình hình thực tế của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ xây dựng chế độ tiền lương, thưởng thích hợp để khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD.

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, Thỏa ước lao động tập thể và các chính sách của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

TT	ĐỐI TƯỢNG	Số người	Số giờ đào tạo	
			Giờ/người	Tổng giờ
1	Huấn luyện Sơ cấp cứu + ATVSLĐ cho ATVSV	23	8	184
2	Huấn luyện kiến thức ATVSLĐ cho người lao động	787	2	1.574
3	Diễn tập phương án chữa cháy cứu hộ với LL chữa cháy chuyên nghiệp	787	0.5	393,5
4	Đào tạo tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng	30	48	1.440
Cộng		2.205	58,5	3.591,5

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay		TH/KH 2018 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	
1	Vốn điều lệ	15.443.000.000	15.443.000.000	15.443.000.000	100,00
2	Tổng doanh thu	304.594.958.065	200.000.000.000	191.907.586.850	95,95
3	Tổng chi phí	306.675.600.571	198.300.000.000	189.896.117.313	95,76
4	Lợi nhuận trước thuế	(2.080.642.506)	2.000.000.000	2.011.469.537	100,57
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	-0,7%	0,9%	1,05%	115,18

6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu		10,5%	12,12%	115,44
7	Cổ tức	-	-	-	

Nhìn chung trong năm 2018, các chỉ tiêu kinh tế của Công ty đều không đạt so với kế hoạch, tuy nhiên có sự tăng trưởng so với cùng kỳ.

Việc xây dựng lại phương án lương năm 2018 tiên tiến, đảm bảo hợp lý, công bằng, khuyến khích người lao động tăng năng suất, tăng thu nhập; đã áp dụng và thực hiện nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho người lao động nhằm đảm bảo ổn định và thu hút lao động, áp dụng thưởng thâm niên, thưởng chuyên cần, hỗ trợ tiền xăng xe, chăm sóc con nhỏ hàng tháng cho người lao động. Sổ sách quản lý ngày giờ công, tiền lương. Kết quả là thu nhập của người lao động trong năm cũng được đảm bảo với mức bình quân là 7.517.000 đồng/người, đạt 101% so với kế hoạch và đạt 125% so với cùng kỳ.

Nguồn vốn chủ sở hữu năm 2018 tăng so với cùng kỳ. Cho thấy vốn chủ sở hữu, đặc biệt là vốn nhà nước dần được bảo toàn so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm qua, Công ty luôn chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và Bộ Quốc phòng, thực hiện việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản thuế và bảo hiểm đối với ngân sách Nhà nước và Bộ Quốc Phòng. Tổng số các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước và địa phương trong năm là: 15,335 tỷ đồng, tổng số đã nộp: 14,545 tỷ đồng. Trong đó:

Số phải nộp các khoản thuế đối với ngân sách Nhà nước là : 1,450 tỷ đồng, số đã nộp là 360 triệu đồng, số còn phải thu Ngân sách là 3,2 tỷ đồng. Trong đó: Thuế TNDN năm 2018 phải nộp phát sinh là 1,085 tỷ đồng, tiền thuế TNDN còn nộp thừa NSNN đến 31/12/2017 được Cục thuế TP Đà Nẵng xác nhận là 4,322 tỷ đồng, thuế TNDN phải thu NSNN đến 31/12/2018 là 3,236 tỷ đồng. Đối với thuế TNCN phải nộp trong năm là 44,8 triệu đồng, số đã nộp là 40,6 triệu đồng, số còn phải nộp đến 31/12/2018 là 13 triệu đồng.

Các khoản phải nộp ngân sách quốc phòng là: 889 triệu đồng, số đã nộp là 889 tỷ đồng, trong đó bao gồm khoản nộp tiền thuê đất năm 2018 là 319 triệu và Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế biên chế, kinh phí công đoàn là 570 triệu đồng.

Các khoản phải nộp BHXH, BHYT, BHTN địa phương là: 12,996 tỷ đồng, đã nộp: 13,296 tỷ đồng, số tiền BHXH tạm nộp trước tháng 1/2019 là 300 triệu đồng.

Năm 2018 nguồn hàng BHLĐ và hàng đồng phục y tế giảm và chuyển đổi từ hình thức sản xuất xuất khẩu sang hình thức gia công , công ty đã tìm kiếm thêm nguồn hàng áo sơ mi của khách hàng Primark, hàng kinh tế nội địa khách hàng Kowil để bù đắp nguồn hàng sản xuất và đảm bảo việc làm cho người lao động; bố trí lại sản xuất phù hợp với năng lực hiện có và cả khi có sự thay đổi mặt hàng, nguồn hàng chuyển từ FOB sang CM.

- Tích cực triển khai sản xuất tinh gọn ở tất cả các bộ phận, các công đoạn trong quá trình sản xuất, triển khai lean văn phòng để nâng cao chất lượng quản

lý, điều hành sản xuất.

- Đã kiện toàn lại đội ngũ Lean nghiên cứu, rãi chuyên theo hướng chuyên môn hoá mặt hàng, thời gian rãi chuyên ngắn, chuyển đổi sản xuất nhanh. Duy trì cân bằng chuyên, đo năng lực, cải tiến, loại bỏ thao tác thừa trên chuyên.

- Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị theo kế hoạch đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt đầu năm.

- Tích cực triển khai kế hoạch tuyển dụng công nhân mới, tuyển dụng thường xuyên để bổ sung nguồn lao động cho các chuyên sản xuất.

- Xây dựng phương án lương, thưởng năm 2018 đảm bảo khuyến khích người lao động. Thực hiện công tác quản lý nhân sự ngày giờ công, tiền lương, sản phẩm có sự giám sát của đại diện người lao động.

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất ở các đơn vị, bộ phận.

- Thực hiện rà soát lại các doanh thu, chi phí nguyên phụ liệu, tiền lương,... xác định lại kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2013 đến 2017.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
2	3		4	5	
Tài sản ngắn hạn	62.884.224.381	75,55	57.808.681.873	74,65	91,93
Tài sản dài hạn	20.353.319.609	24,45	19.631.217.405	25,35	96,45
Tổng tài sản	83.237.543.990		77.439.899.278		93,03

Trong cơ cấu tài sản năm 2018, tài sản ngắn hạn chiếm ưu thế với tỷ trọng 74,65%, bằng 91,93% so với cùng kỳ năm 2017, kéo theo đó là tổng tài sản giảm bằng 93% so với cùng kỳ. Điều này có thể lý giải do các khoản tiền phải thu khách hàng được thu hồi về cuối năm để trả nợ vay ngân hàng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn giảm như tiền thuế GTGT được hoàn 5,7 tỷ đồng,... tăng vòng quay vốn lưu động.

b) Tình hình tồn kho các loại:

ĐVT: đồng

Tồn kho	Năm 2017	Năm 2018	% 2018/2017
---------	----------	----------	-------------

	2	3	4=3/2
- Hàng mua đang đi đường			
- Nguyên liệu chính	11.364.515.147	8.532.884.598	75,08
- Vật liệu phụ	5.367.522.882	2.892.472.504	53,89
- Nhiên liệu	477.273	132.810.909	27.827,03
- Phụ tùng thay thế	21.320.134	68.287.854	320,30
- Bao bì	180.993.318	108.999.827	60,22
- CCDC	20.384.799	127.509.842	625,51
- Chi phí sản phẩm dở dang	3.977.059.994	1.963.071.918	49,36
- Thành phẩm	6.891.352.910	18.427.130.096	267,39
- Hàng hóa	14.712.000	45.712.480	310,72
- Hàng gửi bán		2.128.090.100	
Tổng cộng	27.838.338.457	34.426.970.128	123,67

Tồn kho thực hiện năm 2018 là 34.426.970.128 đồng, bằng 123,67% so với thực hiện năm 2017 và bằng 61,79% so với thực hiện năm 2016. Lượng hàng tồn kho cuối năm tăng do đơn hàng Kowil quý 2 & 3 theo Hợp đồng nhưng chưa thực hiện xuất bán trong năm 2018, kế hoạch xuất trong Quý I & II/2019.

c) Tình hình nợ phải trả:

DVT: đồng

Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
2	3		4	5	
Nợ ngắn hạn	81.597.097.276	100,00	62.469.904.564	100,00	76,56
Nợ dài hạn	-	-	-	-	
Tổng nợ phải trả	81.597.097.276		62.469.904.564		76,56
Vốn chủ sở hữu	1.640.446.714		14.969.994.714		912,56

Nhìn chung, cơ cấu sử dụng nợ của Công ty qua các năm chủ yếu là nợ ngắn hạn, không có nợ dài hạn và có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2017 là 23,44%. Nợ ngắn hạn chủ yếu của Công ty là các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, các khoản

chiếm dụng vốn của nhà cung cấp, phần khác là các khoản phải trả cho người lao động và dự kiến trả trong Q1/2019. Đến thời điểm 31/12/2018, các khoản này đều giảm so với cùng kỳ và Công ty không phát sinh nợ quá hạn đến hạn trả.

So với cùng kỳ năm 2017, nguồn vốn chủ sở hữu đặc biệt là vốn nhà nước của Công ty cơ bản được bảo toàn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực. Xây dựng và phát triển Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

- Đào tạo và đào tạo lại để phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Định hướng:

- Giữ ổn định các khách hàng hiện hữu và duy trì quy mô sản xuất như hiện tại; Tiếp tục tìm kiếm thêm khách hàng mới có năng lực lớn mặt hàng phù hợp để có thể thay một số khách hàng gia công có hiệu quả thấp.

- Thực hiện nghiêm túc đồng bộ hệ thống Lean và ISO; làm tốt công tác đầu vào đảm bảo sản xuất luôn thông suốt, năng suất tăng, sản phẩm tái chế giảm; thời gian làm thêm của người lao động giảm, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy sức mạnh các tổ chức quần chúng; làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhân viên theo hướng tinh giảm; xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, chế độ đãi ngộ, môi trường lao động khoa học, hợp lý, công bằng, huy động sức mạnh các tổ chức quần chúng để thu hút và giữ chân lao động.

- Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, vai trò tham mưu của cán bộ quản lý; tuân thủ thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật hiện hành; Quy chế lãnh đạo của Đảng ủy, của người chỉ huy.

4.2.1 Chiến lược về thị trường.

- Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong và ngoài nước.

- Giữ vững các mối quan hệ truyền thống và phát triển mới các thị trường, thị phần trong nước và nước ngoài.

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên doanh liên kết với các Công ty bạn, tận dụng năng lực để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Xây dựng mối quan hệ tốt với các khách hàng, đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm cơ hội phát triển bền vững.

4.2.2 Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp:

- Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu khách hàng.

+ Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hóa nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân.

+ Thường xuyên cập nhật, cải tiến quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

+ Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cao cho CBCNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận, tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành có tay nghề.

- Mở rộng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh Công ty; tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các chủ đầu tư với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên.

- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh và coi đó là yếu tố tạo nguồn lực có tính quyết định với sự phát triển bền vững của Công ty.

4.2.3 Chiến lược về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư MMTB chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo tất cả sản phẩm đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được tiến độ giao hàng.

4.2.4 Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực.

- Đào tạo và đào tạo lại phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

- Duy trì áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và chuyển đổi hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA 8000:2014, duy trì nghiêm các yêu cầu tiêu chuẩn WRAP, CTPAT nhằm hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp và thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

4.2.5 Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính lành mạnh, đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD.

4.2.6 Chiến lược ứng dụng tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, tổ chức sản xuất: Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Công ty luôn quan tâm, chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm năng lượng. Chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng thông qua các chương trình cụ thể:

- Thường xuyên thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại đơn vị.
- Tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ kỹ thuật phụ trách môi trường sông nói chung và công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất nói riêng.
- Ứng dụng các sáng kiến, cải tiến công nghệ sản xuất và tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động. Luôn đảm bảo hạng mục xử lý chất thải đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.
- Đảm bảo quy chuẩn xả thải và giám sát việc xử lý nước thải và các chất thải trong quá trình sản xuất.
- Đảm bảo môi trường làm việc thoáng mát, sạch sẽ.
- Về chỉ số vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, chỉ số bụi tổng, bụi hô hấp tại các vị trí làm việc và môi trường xung quanh đều đạt trong giới hạn cho phép theo quyết định số 3733-2002/QĐ – BHYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ Y Tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động
- Đối với khí thải phát sinh từ lò hơi, kết quả đo cho thấy: các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn cho phép, cụ thể:
 - + Bụi tổng: Kết quả kiểm tra $31,7\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 5067:1995
 - + CO: Kết quả kiểm tra $575\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 7242:2003
 - + SO₂: Kết quả kiểm tra $42,4\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 6750:2000
 - + NO₂: Kết quả kiểm tra $36,3\text{mg}/\text{Nm}^3$ theo tiêu chuẩn TCVN 7172:2002
- Đối với nước thải, các chỉ tiêu đều đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Đối với chất thải nguy hại Công ty đã bố trí khu vực riêng để lưu chứa, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại số 48.0000065.T ngày 25/05/2009.
- Đối với rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp không nguy hại Công ty cũng đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng theo quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Với tinh thần trách nhiệm cao trước cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty, năm 2018, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng quản trị, giám sát, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đánh giá cao công tác điều hành Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện, tổ chức

hoạt động sản xuất kinh doanh.

HDQT Công ty định hướng nỗ lực để phát triển bền vững trong lĩnh vực may mặc. Công ty luôn cố gắng cao nhất trong việc phát huy nguồn lực nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và có khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực may mặc.

Các thành viên Ban Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ đại học, có đạo đức tốt, gắn bó lâu dài với Công ty qua nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty nên đa số có kinh nghiệm về ngành nghề.

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành chung; Phó Tổng Giám đốc được phân công nhiệm vụ theo dõi, phụ trách hoạt động sản xuất của Công ty.

Năm qua, bên cạnh việc khắc phục các thiệt hại tài chính của các năm trước, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh về lợi nhuận. Các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản được cải thiện so với cùng kỳ năm 2017. Qua đó, cho thấy sự nghiêm túc và trách nhiệm của Ban Giám đốc.

Năm 2019 tình hình kinh tế trong nước tuy dự báo có nhiều thuận lợi nhưng tiềm ẩn nhiều khó khăn. Tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến bất ổn, khó lường, đặc biệt là ngành dệt may xu hướng khó khăn.

Về phía Công ty: Nhận định tình hình thị trường, khách hàng, nguồn hàng và kế hoạch SXKD Công ty cơ bản ổn định.

Lao động sẽ tiếp tục biến động theo chiều hướng giảm do chuyển đổi ngành nghề và chuyển về địa phương, việc tuyển dụng lao động mới khó khăn, áp lực tăng tiền lương và thu nhập để giữ chân người lao động rất lớn trong điều kiện giá cả đầu vào phục vụ sản xuất tăng:

- Lương tối thiểu vùng tiếp tục tăng làm tăng chi phí BHXH, chi phí bù lương, Áp lực về nguồn vốn lưu động để mua nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất hàng FOB cao trong khi công ty hoạt động chủ yếu bằng vốn vay.

- Công ty năm nay trung tâm thành phố là điều kiện thuận lợi cho vận chuyển giao nhận, xuất nhập khẩu nhưng để duy trì hoạt động ổn định công ty phải trả một mức tiền lương và các chi phí khác cao hơn những doanh nghiệp cùng ngành nằm ở cách xa trung tâm thành phố.

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	% KH 2019/TH 2018
B	C	1	2	4
Tổng doanh thu	1000đ	191.907.587	300.000.000	156
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	2.011.469	3.808.000	189
Lợi nhuận sau thuế	"	1.465.734	3.046.400	208
Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	"	0,76	1,02	133

Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	7.517.298	8.041.369	107
Lao động bình quân	Người	810	790	

Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị:

Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 của Công ty, HĐQT đã đưa ra một số ý kiến, giải pháp cụ thể nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội cổ đông đưa ra, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông.

- HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển Công ty.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2021 có 3 thành viên, gồm :

1. Ông Bùi Văn Bắc - Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Quyết Thắng - Phó chủ tịch kiêm TGĐ Công ty
3. Bà Hồ Thanh Thủy - Ủy viên HĐQT

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Với qui mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng kỳ.

Hội đồng quản trị hoạt động theo nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Bùi Văn Bắc	Chủ tịch	14/4/2018	10/10	100%

2	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch	14/4/2018	10/10	100%
3	Hồ Thanh Thủy	Thành viên	14/4/2018	10/10	100%

HDQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các vấn đề:

- Triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đạo hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 giao và Hội đồng quản trị đề ra.

- Hội đồng quản trị thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để có biện pháp, chỉ đạo kịp thời Ban giám đốc điều hành các vấn đề có ảnh hưởng đến nguồn lực đảm bảo cho hoạt động hiệu quả của Công ty.

- Kiểm tra thường xuyên đảm bảo việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ và quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS	Số buổi tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban	14/4/2018	10/10	100%
2	Bà Đỗ Thị Thương	Thành viên	14/4/2018	10/10	100%
3	Lê Thị Hiền	Thành viên	14/4/2018	10/10	100%

Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai, kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:

- Giám sát hoạt động của HDQT, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HDQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HDQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương đúng pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông.

Nhìn chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận

được sự quan tâm tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty có lợi nhuận. Bên cạnh đó, Công ty phải khắc phục các thiệt hại tài chính từ các năm trước, cho nên trong năm 2018 Công ty không thực hiện chi trả các khoản thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện trích nộp Quỹ thù lao Ban điều hành Tổng công ty 28 theo TB 412 (11/05/2015) của Tổng công ty 28 (1 quý là: 3.645.000 đồng). Tổng cộng 4 quý là : $3.645.000 \times 4 = 14.580.000$ đồng.

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

- Hợp đồng và giao dịch với cổ đông nội bộ: Công ty không có giao dịch với cổ đông nội bộ.

- Việc thực hiện quy định về quản trị Công ty: Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được đính kèm.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quyết Thắng